

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 124/2020/HSST

Ngày: 17-12- 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Loan

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Việt Thành

2. Ông Phạm Xuân Đỉnh

-Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Phương Tâm – Thư ký Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Bồ Đức Trọng – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2020 tại Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ L số 128/2020/TLST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2020, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2020/HSST-QĐ ngày 04/12/2020 đối với bị cáo:

NGUYỄN THỊ MINH L, sinh năm 1999 tại Bình Phước; Nơi thường trú: Tổ 8, ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị L; tiền án, tiền sự: không. Ngày 31/8/2020 bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/8/2020 đến ngày 02/11/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp cho gia đình bảo lãnh.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: 1. Chị **Phạm Thị Thúy N**, sinh năm 2004; nơi cư trú: Tổ 4, ấp 4, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương. Chỗ ở: khu phố 3, thị trấn Chơn Thành, huyện C, tỉnh Bình Phước.

2. Chị **Lương Thị Diệu H**, sinh năm 1999; nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương. Chỗ ở: khu phố 3 thị trấn Chơn Thành, huyện C, tỉnh Bình Phước.

Người làm chứng:

1. Chị **Nguyễn Thị Ngọc M**, sinh năm 1999; nơi cư trú: ấp 3B, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước.

2. Chị **Trà Thị Yến N**, sinh năm 1993; nơi cư trú: ấp Hòa Vinh 1, xã Thành T, huyện C, tỉnh Bình Phước.

3. Chị **Nguyễn Thị Kim Ng**, sinh năm 1999; nơi cư trú: khu phố Trung Lợi, thị trấn Chơn Thành, huyện C, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 40 phút ngày 30 tháng 8 năm 2020, Nguyễn Thị Minh L đến tiệm Spa “Nga Anh” thuộc Kp 3, TT. Chơn Thành, huyện C, tỉnh Bình Phước do chị Phạm Thị Thúy N làm chủ, để chăm sóc da. Lúc này, chị Lương Thị Diệu H là nhân viên trực tiếp tư vấn cho L và chăm sóc da cho L tại giường số 5. Lúc này, chị N phun chân mày cho khách hàng khác tại giường số 3, chị N để 01 điện thoại Iphone 11 Pro max, gắn ốp lưng màu vàng trên giường số 4 (đối diện nơi chị N ngồi). Sau khi được chăm sóc da xong, L trả tiền phí 200.000 đồng. Trong lúc đứng hỏi và nghe chị N tư vấn việc xóaL phát hiện điện thoại Iphone 11 Pro max của chị N để trên giường, chị N chỉ tập trung làm cho khách, sơ hở trông coi tài sản nên lén lút, dùng tay phải lấy điện thoại của chị N áp sát vào người để che giấu, tay trái thì cầm điện thoại của L. Sau khi lấy được điện thoại của chị N, L lấy điện thoại của chị N và của L bỏ vào túi quần đang mặc đi ra cửa ra vào để lấy xe về nhà. Khi đi đến vị trí giường số 1, L thấy 01 điện thoại Iphone 11 Pro max ốp lưng màu xanh của chị H đang để trên giường, chị H đang dọn dẹp dụng cụ, không chú ý trông coi tài sản nên lấy điện thoại của H rồi cầm trên tay bước ra ngoài.

Chị N phát hiện mất điện thoại nên nhờ Nguyễn Thị Ngọc M gọi điện thoại vào máy của Nga để tìm điện thoại thì nghe chuông điện thoại phát ra từ người của L. Chị M đuổi theo L ra cửa tiệm và hỏi “có cầm nhầm điện thoại không” thì L nhanh chóng lấy điện thoại của chị H đưa cho M. M cầm điện thoại đi vào trong thì phát hiện điện thoại này không phải của chị N, mà là của chị H nên trả cho chị H. Đồng thời, chị M vẫn gọi vào máy điện thoại của chị N. Thấy vậy, L lấy điện thoại của mình trong túi quần bỏ vào cốp để đồ trên xe mô tô nhãn hiệu Vision của mình, rồi lấy điện thoại của chị N trong túi quần đưa cho Trà Thị Yến N (nhân viên của chị N) và L nói “ủa tự nhiên lấy nhầm 02 cái”. Chị N cầm điện thoại vào tiệm đưa cho chị N, còn L điều khiển xe mô tô về nhà.

Do nghi ngờ L lấy trộm điện thoại, Chị N mở camera của tiệm xem lại thì phát hiện L trộm cắp điện thoại, không phải cầm nhầm. Sau đó, chị N nhờ Nguyễn Thị Kim Ng gọi điện thoại kêu L ra tiệm để nói chuyện. Khoảng 14 giờ cùng ngày, L cùng với

mẹ ruột là bà Nguyễn Thị L đến tiệm của chị N cự cãi, chửi tục với chị Ng. L bị Ngọc dùng tay đâm vào vùng miệng, gây thương tích. Bà Loan chửi bới, đe dọa đòi đốt, băm cơ sở làm ăn của chị N. Đồng thời bà L gọi điện thoại cho Nguyễn Công V (cha của L) đến để đánh nhau với Ng và hăm dọa Ng. Sau đó, chị Ng điện thoại trình báo công an thị trấn Chơn Thành.(BL 68A-73; 75-83)

Tại kết luận định giá tài sản số 91 ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện C kết luận: 01 điện thoại Iphone 11 Pro max, màu xanh của Phạm Thị Thúy N có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt có trị giá 24.000.0000 đồng; 01 điện thoại Iphone 11 Pro max, màu xanh của Lương Thị Diệu H có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt có trị giá 23.000.0000 đồng. Tổng giá trị tài sản tại thời điểm bị chiếm đoạt là 47.000.000 đồng.(BL45)

Quá trình điều tra thu giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 pro Max, màu vàng, 64G của Phạm Thị Thúy N và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 pro Max, màu xanh, 64G của Lương Thị Diệu H; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vison, màu nâu đỏ, biển số 93B1-256.39 của Trần Thị T; 01 Iphone 11 pro Max, màu xanh, 64G; 01 kính mắt, gọng màu đen-đỏ; 01 áo khoác nữ, màu xanh lơ, có nón trùm đầu; 01 áo thun ngắn tay, màu đen có chữ thể giới di động và 01 quần tay dài, màu đen của Nguyễn Thị Minh L. Số vật chứng trên là tài sản hợp pháp của bị hại và người có quyền, nghĩa vụ liên quan nên cơ quan Điều tra đã xử L vật chứng, trả lại cho chủ sở hữu. (Bl 57)

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu.

Tại Bản cáo trạng số 125/CTr-VKS-CT ngày 02/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Minh L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước giữ quyền công tố trình bày quan điểm:

- Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố. Do đó, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị Minh L về tội “*Trộm cắp tài sản*” đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, các điều 38, 50, 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Minh L từ 07 đến 10 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo.

Tại phiên tòa, Bị cáo khai nhận: Trong lúc nói chuyện với chị N, nhìn thấy điện thoại của chị N bỏ trên giường nên bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt, sau khi lấy được điện thoại của chị N, bị cáo đi ngang giường số 1 thấy chiếc điện thoại của chị H bị cáo lấy trộm luôn, ra đến trước cửa tiệm có người trong tiệm đi theo hỏi và điện thoại của

chị N đổ chuông nên bị cáo đã trả lại. Bị cáo khai thêm, khi lấy trộm điện thoại bị cáo chưa nghĩ đến việc bán lấy tiền hay để sử dụng. Bị cáo đồng ý với đề nghị xử L vụ án của đại diện VKS tại phiên tòa, không tranh luận chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, tỉnh Bình Phước, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của hai cơ quan điều tra, phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường, đồ vật, tài liệu bị tạm giữ, vật chứng vụ án và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 30 tháng 8 năm 2020, Nguyễn Thị Minh L có hành vi lén lút lấy điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 pro Max, màu vàng, 64G của Phạm Thị Thúy N và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 pro Max, màu xanh, 64G của Lương Thị Diệu H. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 47.000.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản. Cáo trạng số 125/CTr-VKS-CT ngày 02/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Minh L theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định tội Trộm cắp tài sản:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, là khách thể được pháp luật bảo vệ; gây mất an ninh, trật tự tại địa phương.

[4] Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, bị cáo nhận thức được việc lén lút chiếm đoạt

tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không phải chịu.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Do đó, bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xét thấy bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội mang tính chất bột phát, bị cáo đã trả lại tài sản cho người bị hại ngay sau khi sự việc bị phát hiện; bị cáo có nơi cư trú ổn định, có khả năng tự cải tạo, việc cho bị cáo hưởng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện không ảnh hưởng đến công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

[6] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định do đó Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: tài sản đã trả lại cho người bị hại, Người bị hại không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 pro Max, màu vàng, 64G của Phạm Thị Thúy N và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 pro Max, màu xanh, 64G của Lương Thị Diệu H; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vison, màu nâu đỏ, biển số 93B1-256.39 của Trần Thị T; 01 Iphone 11 pro Max, màu xanh, 64G; 01 kính mắt, gọng màu đen-đỏ; 01 áo khoát nữ, màu xanh lơ, có nón trùm đầu; 01 áo thun ngắn tay, màu đen có chữ thể giới di động và 01 quần tây dài, màu đen của Nguyễn Thị Minh L. Số vật chứng trên là tài sản hợp pháp của bị hại, bị cáo và người có quyền, nghĩa vụ liên quan nên đã xử lý vật chứng, trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp với qui định tại Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Án phí hình sự sơ thẩm: bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Minh L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Minh L 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Giao bị cáo Nguyễn Thị Minh L cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của các bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản Lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Án phí hình sự sơ thẩm: bị cáo Nguyễn Thị Minh L phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- CA huyện C;
- UBND nơi cư trú của bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Loan